

DOI: 10.62829/VNHN.366.51.56

MỘT SỐ VẤN ĐỀ BẤT CẬP TRONG QUY ĐỊNH VỀ BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN GIỮ NGƯỜI TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TTHS 2015

 **GV. Hoàng Ngọc Minh**
Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II

- **TÓM TẮT:** Bộ luật Tố tụng hình sự (TTHS) năm 2015 quy định các biện pháp ngăn chặn với mục đích ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa hành vi trốn tránh pháp luật của người phạm tội cũng như tạo điều kiện thuận lợi nhất cho quá trình giải quyết vụ án. Trong đó, biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp là một biện pháp ngăn chặn mới, có vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn hành vi phạm tội có thể xảy ra cũng như không để người phạm tội có thể bỏ trốn, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Tuy vậy, những quy định về căn cứ, thẩm quyền, thủ tục áp dụng biện pháp này vẫn còn một số vấn đề bất cập, chưa thống nhất với các biện pháp khác trong tố tụng hình sự nên gặp vướng mắc trong thực tiễn. Những vấn đề này đòi hỏi phải được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung kịp thời, phát huy tối đa hiệu quả của biện pháp này trong TTHS.
- **Từ khóa:** Bộ luật Tố tụng hình sự, biện pháp ngăn chặn, giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp
- **ABSTRACT:** The 2015 Criminal Procedure Code stipulates preventive measures aimed at preventing crimes, deterring offenders from evading the law, and facilitating the effective resolution of criminal cases. Among these measures, the detention of persons in urgent cases is a newly introduced provision, playing a crucial role in preventing potential criminal acts and ensuring that offenders do not escape, thereby complicating the investigation and adjudication process. However, the current regulations regarding the grounds, authority, and procedures for applying this measure still present certain inadequacies and inconsistencies compared to other preventive measures in criminal proceedings, leading to difficulties in practical implementation. These issues require timely research, amendments, and supplements to enhance the effectiveness of this preventive measure within the framework of criminal procedure law..
- **Keywords:** Criminal Procedure Code, preventive measures, urgent detention, temporary custody, arrest of persons detained in urgent cases.

Ngày nhận bài: 27/6/2025 Ngày bình duyệt: 04/7/2025 Ngày duyệt đăng: 10/7/2025

Diều 110 Bộ luật Tố tụng hình sự (TTHS) năm 2015 quy định biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Đây là biện pháp ngăn chặn mới trong tố tụng hình sự, được xem là biện pháp thay thế cho biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp được quy định tại Điều 81 Bộ luật TTHS năm 2003. Theo quy định về các trường hợp bắt khẩn cấp của Bộ luật TTHS năm 2003 thì các cơ quan có thẩm quyền có quyền bắt người trước, sau đó mới gửi hồ sơ đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn lệnh bắt. Hay nói cách khác, việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp thì không cần có phê chuẩn của Viện kiểm sát khi thi hành lệnh bắt. Quy định này trở nên không phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 “Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định” (Khoản 2, Điều 20). Ở một khía cạnh khác, trong những trường hợp khẩn cấp nếu không kịp thời áp dụng biện pháp ngăn chặn thì hành vi phạm tội sẽ được thực hiện gây thiệt hại rất lớn cho xã hội; người thực hiện hành vi phạm tội lúc đó chưa được làm rõ về nhân thân, lý lịch sẽ bỏ trốn, tiêu hủy chứng cứ gây khó khăn cho hoạt động điều tra, xử lý sau đó. Chính vì vậy, Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định *biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp*, tạo điều kiện cho việc xem xét bắt người bị giữ nhằm phục vụ quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, biện pháp này vừa đảm bảo phù hợp với Hiến pháp năm 2013, vừa đáp ứng được yêu cầu ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa người thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn, tiêu hủy chứng cứ, gây khó khăn cho quá trình tố tụng hình sự.

1. NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TTHS VỀ BIỆN PHÁP GIỮ NGƯỜI TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Giữ người trong trường hợp khẩn cấp là một trong các biện pháp ngăn chặn trong

tố tụng hình sự, mang tính cưỡng chế của Nhà nước khi áp dụng. Theo đó, người bị áp dụng sẽ bị tác động trực tiếp đến quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp quy định như quyền bất khả xâm phạm đến thân thể, quyền tự do đi lại. Do đó, các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình áp dụng biện pháp này cần phải đảm bảo các quy định chặt chẽ về căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng khi giải quyết vụ án hình sự. Cụ thể:

Về căn cứ áp dụng, Bộ luật TTHS năm 2015 có sự kế thừa căn cứ áp dụng biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp để tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Tuy nhiên, xuất phát từ thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm, đã bổ sung thêm các điều kiện để có thể tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp, đó là: sự xác nhận của người cùng thực hiện tội phạm đối với người cần bị giữ khẩn cấp; việc phát hiện dấu vết của tội phạm tại nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm. Những sự bổ sung này giúp cho việc xác định các trường hợp giữ người được rõ ràng hơn cũng như đảm bảo tính pháp lý chặt chẽ khi tiến hành giữ người trong những trường hợp đó, tránh được sự suy đoán mang tính chủ quan của chủ thể áp dụng.

Về thẩm quyền áp dụng, ngoài những chủ thể có quyền áp dụng biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp theo Bộ luật TTHS năm 2003 được quyền giữ người khẩn cấp, Bộ luật TTHS năm 2015 còn bổ sung thêm các chủ thể sau có quyền giữ người trong trường hợp khẩn cấp: Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng; Tư lệnh vùng lực lượng Cảnh sát biên, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ

và pháp luật lực lượng Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy lực lượng Cảnh sát biển; Chỉ cục trưởng Chỉ cục Kiểm ngư vùng. Việc mở rộng phạm vi chủ thể có quyền áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp là phù hợp với thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như tính chất cấp bách của biện pháp này trong quá trình giải quyết vụ án.

Về trình tự, thủ tục áp dụng, Khoản 3, 4 và 5 Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 đã quy định tương đối đầy đủ, rõ ràng về việc áp dụng biện pháp này. Cụ thể, khoản 4 Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 “Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai ngay và những người quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó. Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải gửi ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người để xét phê chuẩn.

Sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, những người quy định tại điểm c khoản 2 Điều này phải giải ngay người bị giữ kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp đến Cơ quan điều tra nơi có sân bay hoặc bến cảng đầu tiên tàu trở về. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận người bị giữ, Cơ quan điều tra phải lấy lời khai ngay và những người quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp hoặc trả tự do ngay cho người đó. Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải gửi ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người để xét phê chuẩn”.

Những quy định về biện pháp giữ người

trong trường hợp khẩn cấp nêu trên vừa phù hợp với Hiến pháp, vừa đáp ứng yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong thực tiễn.

2. NHỮNG VƯỚNG MẮC TRONG QUY ĐỊNH VỀ BIỆN PHÁP GIỮ NGƯỜI TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Qua nghiên cứu nội dung quy định cụ thể về căn cứ, thủ tục, thẩm quyền áp dụng biện pháp này cùng những điều luật khác có liên quan, có thể nhận thấy vẫn còn những điểm chưa thống nhất, dẫn đến khó khăn, vướng mắc khi áp dụng trong thực tiễn quá trình giải quyết vụ án.

Thứ nhất, về căn cứ áp dụng: theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 thì được giữ người trong trường hợp khẩn cấp khi “Có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng” (đây là trường hợp giữ người khẩn cấp được giữ lại gần như nguyên vẹn từ trường hợp bắt người trong trường hợp khẩn cấp theo Điều 81 Bộ luật TTHS năm 2003). Tuy nhiên Khoản 2, 3 Điều 14 BLHS năm 2015 lại chỉ quy định: “2. Người chuẩn bị phạm tội quy định tại một trong các điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 299, 300, 301, 302, 303 và 324 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự” và “3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội quy định tại Điều 123, Điều 168 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự.”. Như vậy, khi áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp sẽ phát sinh vướng mắc. Cụ thể, trên cơ sở quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 110 thì những người chuẩn bị phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng đều sẽ bị giữ khẩn cấp. Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp chuẩn bị phạm tội đều phải chịu trách nhiệm hình sự mà chỉ người chuẩn bị phạm tội quy định tại Điều 14 BLHS năm 2015 mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, nếu giữ người

trong trường hợp khẩn cấp theo đúng điều kiện này thì sẽ có trường hợp giữ người dù biết rõ người đó không phải chịu trách nhiệm hình sự (người chuẩn bị phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng nhưng không thuộc trường hợp quy định tại Điều 14 BLHS năm 2015). Ngược lại, trường hợp người đó chuẩn bị phạm các tội quy định tại Điều 14 BLHS năm 2015 nhưng tội đó lại có tính chất ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng thì cũng không áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp được vì không thỏa mãn về tính chất của tội phạm, dù người đó phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Như vậy, quy định giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo căn cứ này là chưa phù hợp với quy định của BLHS năm 2015.

Thứ hai, về thủ tục áp dụng, theo quy định tại Khoản 4 Điều 110 Bộ luật TTHS năm 2015 thì “Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai ngay và những người quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó...”. Theo đó, trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải ra quyết định tạm giữ, lệnh bắt người bị giữ (trong trường hợp khẩn cấp) hoặc trả tự do cho người đó. Đồng thời theo Khoản 3 Điều 15 Thông tư liên tịch 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP hướng dẫn thi hành biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì “Việc ra quyết định tạm giữ người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp được thực hiện trong thời hạn 12 giờ kể từ khi Cơ quan điều tra giữ người hoặc nhận người bị giữ (chưa cần có quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp của Viện kiểm sát). Quyết định tạm giữ người bị giữ trong

trường hợp khẩn cấp được ra trước hoặc cùng với lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp”. Từ đó cho thấy thời điểm ra quyết định tạm giữ người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp là trước hoặc cùng lúc với lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Vậy vấn đề đặt ra là khi có quyết định tạm giữ thì người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp sẽ trở thành người bị tạm giữ (vì quyết định tạm giữ không cần sự phê chuẩn) thì người đó không còn là đối tượng của lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp nữa. Do đó, khi lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đã được phê chuẩn để thi hành thì lúc này đối tượng bị bắt thực tế lại là người bị tạm giữ mà không phải là người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Việc bắt người lúc này là bắt người bị tạm giữ. Vấn đề đặt ra là họ đã bị tạm giữ thì có cần thiết phải quy định việc bắt nữa hay không?

Thứ ba, về thẩm quyền áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp đã được mở rộng thêm đối với những chủ thể được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Tuy nhiên, việc quy định thẩm quyền của người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng khi áp dụng biện pháp này lại chưa thống nhất với các quy định về thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác có liên quan. Cụ thể, tại Khoản 2 Điều 117 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định: “2. Những người có thẩm quyền ra lệnh giữ người quy định tại khoản 2 Điều 110 của Bộ luật này có quyền ra quyết định tạm giữ”. Quy định này đã cho phép ngoài những người thuộc Cơ quan điều tra và người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thì người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời sân bay, bến cảng cũng có quyền quyết định tạm giữ. Vấn đề đặt ra là những người này sẽ quyết định tạm giữ trong trường hợp nào? Bởi vì theo quy định tại Điều 117 thì chỉ được tạm giữ “đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp

phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã”.

Khoản 4 Điều 110 quy định “Sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, những người quy định tại điểm c khoản 2 Điều này phải giải ngay người bị giữ kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp đến Cơ quan điều tra nơi có sân bay hoặc bến cảng đầu tiên tàu trở về”. Theo đó, chỉ huy tàu bay, tàu biển sau khi giữ người thì khi tàu bay, tàu biển về đến sân bay, bến cảng, họ phải giải ngay người bị giữ đến Cơ quan điều tra nơi có sân bay, bến cảng. Lúc này, việc lấy lời khai, ra quyết định tạm giữ, lệnh bắt người bị giữ hay trả tự do cho người đó thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra. Do đó, người chỉ huy tàu bay, tàu biển không có quyền ra quyết định tạm giữ trong trường hợp này.

Mặt khác, Khoản 1 Điều 111 quy định: “Đối với người đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm mà bị phát hiện hoặc bị đuổi bắt thì bất kỳ người nào cũng có quyền bắt và giải ngay người bị bắt đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Các cơ quan này phải lập biên bản tiếp nhận và giải ngay người bị bắt hoặc báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.”

Còn tại khoản 1 Điều 112 quy định: “Đối với người đang bị truy nã thì bất kỳ người nào cũng có quyền bắt và giải ngay người bị bắt đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Các cơ quan này phải lập biên bản tiếp nhận và giải ngay người bị bắt hoặc báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền”. Như vậy, công việc đầu tiên khi bắt người đang bị truy nã hoặc phạm tội quả tang là giải ngay đến người bị bắt đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất chứ không quy định được phép tạm giữ trong trường hợp này. Còn đối với trường hợp người phạm tội tự thú hoặc đầu thú với người chỉ huy tàu bay, tàu biển cũng không phải là những chủ thể

để người phạm tội đến tự nguyện khai báo hành vi của mình. Do vậy, việc quy định tất cả những người có thẩm quyền giữ người trong trường hợp khẩn cấp được quyền ra quyết định tạm giữ cần được nghiên cứu sửa đổi để phù hợp với thực tiễn.

3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở nghiên cứu cũng như thực tiễn áp dụng biện pháp này, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị nhằm đảm bảo tính khả thi, thống nhất và phù hợp thực tiễn TTHS đối với quy định về biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp như sau:

Một là, cần bổ sung thêm điều luật quy định về biện pháp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp nhằm đảm bảo tính hợp lý trong kỹ thuật lập pháp của Nhà nước ta. Theo quy định tại Khoản 2, Điều 109 Bộ luật TTHS năm 2015 thì “Các trường hợp bắt người gồm bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang, bắt người đang bị truy nã, bắt bị can, bị cáo để tạm giam, bắt người bị yêu cầu dẫn độ”. Trong khi các trường hợp bắt khác đều có điều luật riêng để điều chỉnh thì bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp lại không được quy định độc lập mà được quy định chung tại Điều 110 về giữ người trong trường hợp khẩn cấp dù đây thực chất là hai biện pháp ngăn chặn độc lập với nhau. Do đó, cần thiết phải có điều luật riêng để điều chỉnh đối với trường hợp bắt này.

Hai là, cần điều chỉnh quy định về trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của BLHS năm 2015 về trường hợp phải người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự với mục đích ngăn chặn tội phạm của biện pháp ngăn chặn nói chung, giữ người trong trường hợp khẩn cấp nói riêng. Theo đó, cần điều chỉnh lại Điểm a, Khoản 1 Điều 110 như sau: “1. Khi thuộc một trong các trường hợp khẩn cấp sau đây thì được giữ người:

a) Có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm quy định

tại một trong các điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 299, 300, 301, 302, 303 và 324 của Bộ luật hình sự...”

Quy định như vậy sẽ bảo đảm việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp được tiến hành nhằm mục đích ngăn chặn tội phạm, tránh được trường hợp giữ người dù biết là không phạm tội hoặc không tiến hành giữ đối với người phạm tội.

Ba là, nghiên cứu, sửa đổi quy định về trình tự áp dụng các biện pháp ngăn chặn tiếp theo sau khi đã giữ người trong trường hợp khẩn cấp nhằm bảo đảm tính thống nhất trong quy định về các biện pháp ngăn chặn, đồng thời phù hợp với thực tiễn. Theo đó, cần sửa đổi Khoản 4, Điều 110 như sau: “Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai ngay và những người quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này phải ra lệnh bắt người bị giữ, ra quyết định tạm giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó.....”

Sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, những người quy định tại điểm c khoản 2 Điều này phải giải ngay người bị giữ kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp đến Cơ quan điều tra nơi có sân bay hoặc bến cảng đầu tiên tàu trở về. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận người bị giữ, Cơ quan điều tra phải lấy lời khai ngay và những người quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải ra lệnh bắt người bị giữ, ra quyết định tạm

giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó....”

Bên cạnh đó, cần điều chỉnh quy định tại Điều 117 lại cho thống nhất với quy định trên, đó là: “Tạm giữ có thể áp dụng đối với người bị bắt vì bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã” và sửa đổi Điều 59 quy định về người bị tạm giữ như sau: “Người bị tạm giữ là người bị bắt vì bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ.

Theo đó, sau khi giữ người, người có thẩm quyền phải ra lệnh bắt người bị giữ trước rồi mới ra quyết định tạm giữ. Điều này đảm bảo tính thống nhất trong quy định về các trường hợp bắt, đồng thời đảm bảo tính hợp lý trong áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

Bốn là, để bảo đảm tính thống nhất và phù hợp về thẩm quyền áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp với các biện pháp ngăn chặn khác, cụ thể là biện pháp tạm giữ, cần điều chỉnh quy định tại Khoản 2 Điều 117 Bộ luật TTHS năm 2015 như sau: “Những người có thẩm quyền ra lệnh giữ người quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 110 của Bộ luật này có quyền ra quyết định tạm giữ”. Điều này sẽ thể hiện tính chặt chẽ của quy định về áp dụng biện pháp tạm giữ, phù hợp với quy định về các biện pháp ngăn chặn khác trong TTHS, trong đó có giữ người trong trường hợp khẩn cấp./.